

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG 1239
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG 1239

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108419452

3. Ngày thành lập: 04/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô đất D10-14, Cụm công nghiệp làng nghề tập trung, thôn Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Phá dỡ	4311
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Bán buôn tổng hợp	4690
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Điều hành tua du lịch	7912
6.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
7.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể;)	8559
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
9.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
10.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
11.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
12.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
13.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
14.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
15.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
16.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
17.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
18.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
19.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
23.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
24.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
26.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
27.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
28.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
29.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
30.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
31.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
32.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
33.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
34.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
35.	Vận tải đường ống	4940
36.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
40.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
41.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
42.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
43.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
44.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
46.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
51.	Xuất bản phần mềm	5820
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
53.	Đại lý du lịch	7911
54.	Dịch vụ đóng gói	8292
55.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
56.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

57.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
58.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
64.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
65.	Xây dựng công trình điện	4221
66.	Xây dựng công trình thủy	4291
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
69.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
70.	Bán buôn đồ uống	4633
71.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
72.	Cho thuê xe có động cơ	7710
73.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
74.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
75.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
76.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
77.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
78.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
79.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
80.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
81.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
82.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
83.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
84.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
85.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
86.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
87.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
88.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

89.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
90.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
91.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
94.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
95.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
96.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
97.	Hoạt động hậu kỳ	5912
98.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
99.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
100.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
101.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
102.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
103.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
106.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
107.	Hoạt động chiếu phim	5914
108.	Hoạt động thú y	7500
109.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
110.	Hoạt động thể thao khác	9319
111.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
112.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
113.	Quảng cáo	7310
114.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
115.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán	7490

116.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
117.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
118.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
119.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
120.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
121.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
122.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
123.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
124.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
125.	Thu gom rác thải độc hại	3812
126.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
127.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
128.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
129.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
130.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
131.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
132.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
133.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
134.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
135.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
136.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
137.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
138.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
139.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
140.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
141.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

142.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
143.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
144.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
145.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
146.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
147.	Giáo dục mẫu giáo	8512
148.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
149.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
150.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
151.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
152.	Xây dựng nhà ở	4101(Chính)
153.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
154.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
155.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
156.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
157.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
158.	Bán buôn thực phẩm	4632
159.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
160.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
161.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
162.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
163.	Sản xuất giày, dép	1520
164.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
165.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
166.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
167.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
168.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
169.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
170.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
171.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
172.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
173.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
174.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
175.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

176.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
177.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
178.	Bốc xếp hàng hóa	5224
179.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
180.	Cơ sở lưu trú khác	5590
181.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
182.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
183.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
184.	Giáo dục nhà trẻ	8511
185.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
186.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
187.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
188.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
189.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
190.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
191.	Sao chép bản ghi các loại	1820
192.	Xây dựng nhà không để ở	4102
193.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
194.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
195.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
196.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
197.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
198.	Sản xuất nhạc cụ	3220
199.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
200.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
201.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
202.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
203.	In ấn	1811
204.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
205.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
206.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
207.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
208.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
209.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
210.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

211.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VIỆT LÂM	P202, A4, TT Ban QLCT – Thăng Long, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	4.800.000.000	24,000	001089013675	
			Tổng số	48.000	4.800.000.000	24,000		
2	TRẦN XUÂN HÙNG	Xóm Thanh Giáo, Xã Giao Thanh, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	4.800.000.000	24,000	036083001729	
			Tổng số	48.000	4.800.000.000	24,000		
3	NGUYỄN TRỌNG TUẤT	Thôn Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	4.800.000.000	24,000	013566439	
			Tổng số	48.000	4.800.000.000	24,000		
4	ĐINH HẢI YÊN	Tổ dân phố Ngọc Đại, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	56.000	5.600.000.000	28,000	017071000038	
			Tổng số	56.000	5.600.000.000	28,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VIỆT LÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089013675

Ngày cấp: 02/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P202, A4, TT Ban QLCT – Thăng Long, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P202, A4, TT Ban QLCT – Thăng Long, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội